

TRƯỜNG THPT PHẠM THÁI BƯỜNG

TỔ ĐỊA LÍ- CÔNG NGHỆ

ĐỀ CƯƠNG ÔN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 (GIÁO VIÊN)

MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 11 (năm học 2025- 2026)

Phần một: TRẮC NGHIỆM

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Bài 1. SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ KINH TẾ XÃ HỘI GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC

Câu 1. Nhóm nước phát triển có

A. GNI bình quân đầu người cao.

B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.

C. chỉ số phát triển con người còn thấp.

D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

Câu 2: Dựa vào các tiêu chí chủ yếu nào sau đây để phân chia thế giới thành các nhóm nước?

A. GNI/ người, cơ cấu ngành kinh tế và chỉ số phát triển con người.

B. GDP/ người, đầu tư ra nước ngoài và chỉ số phát triển con người.

C. GNI, cơ cấu ngành kinh tế và trình độ dân trí, tuổi thọ trung bình.

D. GDP/ người, chỉ số phát triển con người và cơ cấu ngành kinh tế.

BÀI 3. TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

Câu 1: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Liên minh châu Âu (EU).

B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 2: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của khu vực hóa kinh tế?

A. Ngân hàng thế giới (WB).

B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

D. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

Câu 3: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của khu vực hóa kinh tế?

A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

C. Ngân hàng thế giới (WB).

D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 4: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Ngân hàng thế giới (WB).

B. Liên minh châu Âu (EU).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Bài 8: TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ MỸ LA TINH

Câu 1: Dân cư Mỹ La-tinh có đặc điểm nào sau đây?

A. Gia tăng dân số thấp.

B. Tỉ suất nhập cư lớn

C. Cơ cấu dân số vàng.

D. Dân số đang trẻ hóa.

Câu 2: Đô thị nào có số dân lớn nhất trong các đô thị sau đây?

A. La-ha-ba-na.

B. Xan-hô-xê.

C. Xao Pao-lô.

D. Ca-ra-cát.

Câu 3: Đồng bằng nào sau đây ở Mỹ La-tinh có giá trị cao nhất về đa dạng sinh học?

A. Pam-pa.

B. La Pla-ta.

C. A-ma-dôn.

D. Ô-ri-nô-cô.

Câu 4: Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở khu vực Mỹ La-tinh là

A. bạc, đồng, ni-ken, bô-xít, mangan, dầu mỏ.

B. sắt, đồng, dầu mỏ, khí tự nhiên, chì - kẽm.

C. chì, kẽm, ni-ken, bô-xít, mangan, dầu mỏ.

D. chì, kẽm, đồng, bô-xít, than đá, u-ra-ni-um.

Câu 5: Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ La-tinh là

A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

B. Công nghiệp và xây dựng.

C. Dịch vụ.

D. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm.

BÀI 10: LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

Câu 1: Tên gọi Liên minh châu Âu (EU) có từ năm nào sau đây?

A. 1963.

B. 1973.

C. 1983.

D. 1993.

Câu 2: Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2020) là

A. 25.

B. 26.

C. 27.

D. 28.

Câu 3: Các nước nào sau đây tham gia thành lập Cộng đồng Kinh tế châu Âu (năm 1957)?

A. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Áo, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

B. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

C. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Ba Lan, Lúc-xăm-bua.

D. Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Na Uy, Lúc-xăm-bua.

Câu 4: Vương quốc Anh chính thức rời Liên minh châu Âu (EU) vào năm nào sau đây?

A. 2005.

B. 2010.

C. 2015.

D. 2020.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đồng tiền chung châu Âu (đồng ơ-rô)?

A. Có vị trí cao trong giao dịch quốc tế.

B. Đồng tiền dự trữ chính thức quốc tế.

C. Tác động đến tiền tệ các nước khác.

D. Tất cả thành viên EU đã dùng chung.

Câu 6: Đồng tiền chung của châu Âu (đồng ơ-rô) được chính thức đưa vào giao dịch thanh toán từ năm nào sau đây?

A. 1997.

B. 1998.

C. 1999.

D. 2000.

Câu 7: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về tác dụng của việc sử dụng đồng tiền chung châu Âu đối với EU?

1) Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.

2) Xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ giữa các nước.

3) Tạo thuận lợi cho việc chuyển giao nguồn vốn trong EU.

4) Đơn giản công tác kế toán các doanh nghiệp đa quốc gia.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 8: Liên minh châu Âu (EU) đứng đầu thế giới về tỉ trọng

A. viện trợ phát triển thế giới.

B. sản xuất ô tô trên thế giới.

C. xuất khẩu của thế giới.

D. tiêu thụ năng lượng thế giới.

Câu 9: Hoạt động nào sau đây **không** thể hiện sự hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

A. Cùng hợp tác sản xuất máy bay E-bớt.

B. Đường hầm giao thông dưới biển Măng-sơ.

C. Sử dụng đồng tiền chung của EU.

D. Tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

Câu 10: Phát triển liên kết vùng ở châu Âu **không** thực hiện các hoạt động về

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. xã hội.

D. văn hóa.

Câu 11: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

1) Tạo ra thị trường chung lưu thông nhiều mặt.

2) Sử dụng cùng một đồng tiền chung (ơ-rô).

3) Là một trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

4) Trình độ phát triển giữa các nước chênh lệch.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 12: Trong thị trường chung châu Âu được tự do lưu thông về

A. con người, hàng hóa, cư trú, dịch vụ.

B. dịch vụ, hàng hóa, tiền vốn, con người.

C. dịch vụ, tiền vốn, chọn nơi làm việc.

D. tiền vốn, con người, dịch vụ, cư trú.

Câu 13: Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ được hình thành tại khu vực biên giới của các nước

A. Hà Lan, Bỉ, Đức.

B. Hà Lan, Pháp, Áo.

C. Bỉ, Pháp, Đan Mạch.

D. Đức, Hà Lan, Pháp.

Câu 14: Trụ sở hiện nay của Liên minh châu Âu (EU) được đặt ở thành phố nào sau đây?

A. Brúc-xen (Bỉ).

B. Béc- lin (Đức).

C. Pa-ri (Pháp).

D. Mat-xcơ-va (Nga).

Câu 15: Mục đích chủ yếu của Liên minh châu Âu (EU) là

A. cùng nhau thúc đẩy phát triển sự thống nhất châu Âu.

B. ngăn chặn nguy cơ xung đột giữa các dân tộc, tôn giáo.

C. cùng nhau hạn chế các dòng nhập cư trái phép xảy ra.

D. bảo vệ an ninh, phòng chống nguy cơ biến đổi khí hậu.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thị trường chung châu Âu?

A. Quyền tự do đi lại, cư trú, chọn nghề của mọi công dân được đảm bảo.

B. Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán ngày càng được tăng cường.

C. Các nước có chính sách thương mại chung buôn bán với ngoài khối.

D. Sản phẩm mỗi nước được tự do buôn bán trong toàn thị trường chung.

Câu 17: Tự do lưu thông hàng hóa trong Liên minh châu Âu (EU) là

A. tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

B. tự do đối với các dịch vụ vận tải, du lịch.

C. bãi bỏ các hạn chế trong giao dịch thanh toán.

D. hàng hóa các nước không thuế giá trị gia tăng.

Câu 18: Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) bao gồm tự do

A. cư trú và dịch vụ kiểm toán.

B. đi lại, cư trú, dịch vụ vận tải.

C. cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

D. đi lại, dịch vụ thông tin liên lạc.

Câu 19: Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do

A. đi lại.

B. cư trú.

C. chọn nơi làm việc.

D. thông tin liên lạc.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Liên minh châu Âu (EU)?

A. Là một trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

B. Là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới.

C. Là liên kết có sự phát triển đồng đều giữa các nước.

D. Là liên kết khu vực có nhiều quốc gia nhất thế giới.

D. Các nước đã bỏ hàng rào thuế quan buôn bán với nhau.

BÀI 12: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Câu 1: Khu vực Đông Nam Á nằm ở

A. phía đông nam châu Á.

B. giáp với Đại Tây Dương.

C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.

D. phía bắc nước Nhật Bản.

Câu 2: Về tự nhiên, Đông Nam Á gồm hai bộ phận là

A. lục địa và hải đảo.

B. đảo và quần đảo.

C. lục địa và biển.

D. biển và các đảo.

Câu 3: Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.

B. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.

D. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

Câu 4: Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

A. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.

B. nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, đảo nhỏ.

C. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

D. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng với tự nhiên Đông Nam Á hải đảo?

A. Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

B. Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.

C. Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp.

D. Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới.

Câu 6: Phần lớn diện tích Đông Nam Á lục địa có khí hậu

A. nhiệt đới gió mùa.

B. cận xích đạo.

C. xích đạo.

D. ôn đới.

Câu 7: Đông Nam Á lục địa có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ là do

A. các sông lớn bồi đắp nhiều phù sa.

B. trầm tích biển tạo bồi lấp các đứt gãy.

C. dung nham núi lửa từ nơi cao xuống.

D. xâm thực vùng núi, bồi đắp vùng trũng.

Câu 8: Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

A. bão.

B. động đất.

C. núi lửa.

D. sóng thần.

Câu 9: Nguồn tài nguyên khoáng sản quan trọng ở vùng thềm lục địa nhiều nước Đông Nam Á là

A. dầu khí.

B. bôxít.

C. than đá.

D. quặng sắt.

Câu 10: Đông Nam Á có

A. số dân đông, mật độ dân số cao.

B. mật độ dân số cao, nhập cư đông.

C. nhập cư ít, cơ cấu dân số già.

D. xuất cư nhiều, tuổi thọ rất thấp.

Câu 11: Khu vực nào sau đây ở Đông Nam Á có mật độ dân số thấp nhất?

A. Đồng bằng châu thổ.

B. Các vùng ven biển.

C. Vùng đất đỏ badan.

D. Các vùng núi cao.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Đông Nam Á?

A. Dân đông, mật độ dân số cao.

B. Có nguồn lao động dồi dào.

C. Phân bố dân cư không đều.

D. Các nước đều có dân số già.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xã hội của Đông Nam Á?

A. Các quốc gia đều có nhiều dân tộc.

B. Một số dân tộc ít người phân bố rộng.

C. Có nhiều tôn giáo cùng hoạt động.

D. Có lịch sử khai thác lãnh thổ muộn.

Câu 14: Nền nông nghiệp Đông Nam Á có tính chất

A. ôn đới.

B. cận nhiệt đới.

C. nhiệt đới.

D. xích đạo.

Câu 15: Ngành chiếm tỉ trọng lớn về giá trị sản xuất trong cơ cấu nông nghiệp ở nhiều các nước Đông Nam Á là

- A. trồng trọt. B. chăn nuôi. C. dịch vụ. D. thủy sản.

Câu 16: Lúa nước được trồng nhiều ở đâu của khu vực Đông Nam Á?

- A. Các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp. B. Các sườn đồi có độ dốc nhỏ ở đồi núi.
C. Các cao nguyên đất đỏ badan màu mỡ. D. Các đồng bằng thấp giữa các miền núi.

Câu 17: Các nước ở Đông Nam Á xuất khẩu gạo nhiều nhất là

- A. Việt Nam, In-đô-nê-xi-a. B. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.
C. Thái Lan, Việt Nam. D. Việt Nam, Cam-pu-chia.

Câu 18: Các nước ở Đông Nam Á trồng nhiều cao su là

- A. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.
B. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Việt Nam.
C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin.
D. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Cam-pu-chia.

Câu 19: Quốc gia nào sau đây đứng đầu Đông Nam Á về diện tích trồng hồ tiêu?

- A. In-đô-nê-xi-a. B. Ma-lai-xi-a. C. Thái Lan. D. Việt Nam.

Câu 20: Đứng đầu về sản lượng cá khai thác ở Đông Nam Á là

- A. In-đô-nê-xi-a. B. Thái Lan. C. Phi-líp-pin. D. Việt Nam.

Câu 21: Hoạt động khai thác dầu khí phát triển mạnh ở các nước nào sau đây ở Đông Nam Á?

- A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Mi-an-ma.
B. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào.
C. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.
D. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Phi-líp-pin, Lào.

Câu 22: Công nghiệp của các nước Đông Nam Á trong những thập niên gần đây phát triển tương đối nhanh là do tác động của

- A. quá trình công nghiệp hóa. B. quá trình đô thị hóa.
C. bối cảnh toàn cầu hóa. D. xu hướng khu vực hóa.

Câu 23: Khu vực Đông Nam Á tiếp giáp hai đại dương là

- A. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. D. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

Câu 24: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh. B. Có rất nhiều núi lửa và đảo.
C. Nhiều nơi núi lan ra sát biển. D. Nhiều đồng bằng châu thổ.

Câu 25: Các quốc gia nào sau đây **không** thuộc Đông Nam Á biển đảo?

- A. In-đô-nê-xi-a, Đông-Ti-mo. B. Bru-nây, Phi-líp-pin.
C. Xing-ga-po, Ma-lai-xi-a. D. Cam-pu-chia, Việt Nam.

Câu 26: Quốc gia có sản lượng lúa gạo lớn nhất Đông Nam Á là

- A. Phi-líp-pin. B. In-đô-nê-xi-a. C. Thái Lan. D. Việt Nam.

Câu 27: Đông Nam Á biển đảo chủ yếu nằm trong các đới khí hậu nào sau đây?

- A. Nhiệt đới và cận xích đạo. B. Cận xích đạo và xích đạo.
C. Cận xích đạo và ôn đới. D. Cận nhiệt và cận xích đạo.

Câu 28: Điểm giống nhau về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo là đều có

- A. khí hậu nhiệt đới gió mùa. B. nhiều đồng bằng phù sa lớn.
C. các sông lớn hướng bắc nam. D. các dãy núi và thung lũng rộng.

Câu 29: Nguyên nhân chính làm cho ngành khai thác hải sản ở các nước Đông Nam Á chưa phát huy được lợi thế là

- A. phương tiện khai thác thô sơ, chậm đổi mới.
B. thời tiết diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.
C. chưa chú trọng phát triển ngành kinh tế biển.
D. môi trường biển đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Câu 30: Biểu hiện chứng tỏ cơ cấu nền kinh tế các nước Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là

- A. dịch vụ đóng góp cho GDP là chủ yếu.
B. kinh tế nông nghiệp ngày càng thu hẹp.
C. kinh tế công nghiệp chuyển sang nền kinh tế tri thức.

D. kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp.

Câu 31: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cây trồng ở Đông Nam Á?

- A. Lúa nước là cây lương thực truyền thống và quan trọng.
- B. Cây công nghiệp lâu năm hiện nay được phát triển mạnh.
- C. Cây ăn quả được trồng ở hầu hết các nước trong khu vực.
- D. Các đồng bằng là nơi phân bố cây công nghiệp lâu năm.

Câu 32: Chăn nuôi gia súc ở Đông Nam Á vẫn chưa trở thành ngành chính, chủ yếu do

- A. nguồn thức ăn cho gia súc gặp rất nhiều khó khăn.
- B. cơ sở vật chất kĩ thuật và dịch vụ thú y còn hạn chế.
- C. lao động trong nông nghiệp hầu hết vẫn ở ngành trồng trọt.
- D. truyền thống sản xuất, biến động của thị trường, dịch bệnh.

Câu 33: Nhiều nước ở Đông Nam Á phát triển mạnh đánh bắt hải sản, chủ yếu do có

- A. nhu cầu thực phẩm lớn.
- B. vùng biển xung quanh.
- C. nhiều ngư trường lớn.
- D. dân nhiều kinh nghiệm.

Câu 34: Nhiều nước ở Đông Nam Á phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản trong thời gian gần đây, chủ yếu là do

- A. có nhiều mặt nước ao, hồ.
- B. có nhiều bãi triều, đầm phá.
- C. thị trường thế giới mở rộng.
- D. nhu cầu dân cư tăng cao.

Câu 35: Điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nhiều nước Đông Nam Á là có nhiều

- A. sông, hồ; bãi triều, đầm phá, vũng, vịnh.
- B. sông, hồ, diện tích mặt nước ruộng sâu.
- C. sông, hồ, kênh rạch, bãi triều, vũng, vịnh.
- D. sông, hồ, kênh rạch, bãi triều, đầm phá.

Câu 36: Nguyên nhân chủ yếu nhất làm giảm nguồn lợi sinh vật biển ở Đông Nam Á là do

- A. động đất, sóng thần.
- B. sóng thần, gió bão.
- C. khai thác quá mức.
- D. khai thác gần bờ.

Câu 37: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp của Đông Nam Á hiện nay?

- A. Phát triển theo hướng tăng cường liên doanh với nước ngoài.
- B. Chú trọng nhiều phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.
- C. Lượng điện tiêu dùng bình quân theo đầu người còn rất thấp.
- D. Công nghiệp chế biến chưa sản xuất được mặt hàng xuất khẩu.

Câu 38: Mục đích chủ yếu của việc phát triển dịch vụ ở các nước Đông Nam Á **không** phải là

- A. phục vụ sản xuất.
- B. phục vụ đời sống.
- C. hấp dẫn đầu tư.
- D. thu hút nhập cư.

Câu 39: Ở nhiều vùng biển phía nam của các nước Đông Nam Á lục địa có hoạt động du lịch diễn ra thuận lợi quanh năm là nhờ

- A. nền nhiệt độ cao quanh năm.
- B. gió mùa hoạt động trong năm.
- C. lượng mưa lớn vào mùa hạ.
- D. địa hình bờ biển rất đa dạng.

Câu 40: Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. phát triển thủy điện.
- B. phát triển lâm nghiệp.
- C. phát triển kinh tế biển.
- D. phát triển chăn nuôi.

BÀI 13: HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Câu 1: Các nước đầu tiên tham gia thành lập ASEAN là

- A. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Lào.
- B. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.
- C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.
- D. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

Câu 2: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập năm nào sau đây?

- A. 1957.
- B. 1967.
- C. 1989.
- D. 1995.

Câu 3: Nước gia nhập ASEAN vào năm 1995 là

- A. Bru-nây.
- B. Việt Nam.
- C. Mi-an-ma.
- D. Lào.

Câu 4: Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

- A. thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, tiến bộ xã hội của tất cả các nước.
- B. xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, có nền kinh tế, văn hóa và xã hội phát triển.
- C. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, an ninh, ổn định và cùng phát triển.
- D. giải quyết những mâu thuẫn giữa ASEAN với các nước và tổ chức quốc tế khác.

Câu 5: Cán cân xuất - nhập khẩu của ASEAN đạt giá trị dương là biểu hiện thành tựu về mặt

- A. văn hóa. B. xã hội. C. kinh tế. D. chính trị.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?

- A. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.
 B. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.
 C. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.
 D. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ASEAN hiện nay?

- A. Mở rộng liên kết với các nước bên ngoài. B. Trình độ phát triển khác nhau giữa các nước.
C. Là một tổ chức lớn mạnh hàng đầu thế giới. D. Các nước có sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

Câu 8: Điều **không** phải là thách thức của ASEAN trong những năm gần đây?

- A. Chênh lệch trình độ phát triển. B. Thất nghiệp và thiếu việc làm.
C. Môi trường hòa bình, ổn định. D. Khai thác, sử dụng tài nguyên.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng về thành tựu của ASEAN hiện nay?

- A. Nhiều quốc gia thuộc vào nhóm nước phát triển.
 B. Các quốc gia đều có trình độ phát triển giống nhau.
 C. Tình trạng đói nghèo của người dân đã được xóa bỏ.
D. Tốc độ tăng GDP của một số quốc gia đã khá cao.

Câu 10: Vấn đề nào sau đây đòi hỏi các quốc gia ASEAN phải có sự hợp tác chặt chẽ với nhau?

- A. Biến đổi khí hậu. B. Xuất khẩu nông sản.
 C. Ngăn chặn phá rừng. D. Bùng nổ dân số.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành ASEAN?

- A. Có chung mục tiêu và lợi ích phát triển kinh tế.
B. Sử dụng chung một đồng tiền riêng của khu vực.
 C. Do sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.
 D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội các nước.

Câu 12: Các nước ASEAN cần thực hiện giải pháp trước mắt nào sau đây để tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài?

- A. Cải thiện môi trường đầu tư. B. Nâng cao đời sống cho dân cư.
 C. Đào tạo nguồn lao động có trình độ cao. D. Tăng cường dịch vụ quảng bá hình ảnh.

Câu 13: “Ủy hội sông Mê Công” là hợp tác của một số nước ASEAN về lĩnh vực

- A. tài nguyên. B. xã hội. C. văn hóa. D. chính trị.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về những vấn đề xã hội đòi hỏi các nước ASEAN phải giải quyết?

- A. Thất nghiệp và sự phát triển nguồn nhân lực.
 B. Sử dụng và bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên.
 C. Tôn giáo và sự hòa hợp dân tộc ở mỗi quốc gia.
D. Sự đa dạng về phong tục, tập quán các quốc gia.

Câu 15: Thách thức nào sau đây **không** thường xuyên xuất hiện ở các nước ASEAN?

- A. Các nước có trình độ phát triển chênh lệch.
B. Vấn đề người nhập cư, chảy máu chất xám.
 C. Tình trạng đói nghèo, thiếu việc làm ở đô thị.
 D. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa hợp lí.

BÀI 15. TÂY NAM Á

Câu 1: Phần lớn dân cư trong khu vực Tây Nam Á theo

- A. Phật giáo. B. Thiên chúa giáo.
C. Hồi giáo. D. Do thái giáo.

Câu 2: Khu vực Tây Nam Á **không** tiếp giáp với châu lục nào sau đây?

- A. Châu Á. B. Châu Âu. C. Châu Úc. D. Châu Phi.

Câu 3: Kênh Xuy-ê nối liền

- A. Địa Trung Hải với Thái Bình Dương. B. Biển Đỏ với Địa Trung Hải.
 C. Biển Đen với Ấn Độ Dương. D. Địa Trung Hải với biển Đông.

Câu 4: Loại hình giao thông phát triển nhất khu vực Tây Nam Á là

- A. đường sắt. B. đường ô tô.
C. đường hàng không. D. đường thủy.

Câu 5: Tây Nam Á giáp châu Phi qua

A. kênh đào Xuy-ê và Biển Đỏ.

B. Biển Đỏ và Địa Trung Hải.

C. Địa Trung Hải và Biển Đen.

D. Biển Đen và kênh đào Xuy-ê.

Câu 6: Dầu khí của Tây Nam Á phân bố chủ yếu ở

A. vùng vịnh Péc-xích.

B. ven Địa Trung Hải.

C. hai bên bờ Biển Đỏ.

D. tại các hoang mạc.

Câu 7: Địa hình của khu vực Tây Nam Á chủ yếu là

A. núi, sơn nguyên và đồng bằng.

B. cao nguyên, đồi thấp, đồng bằng.

C. đồi thấp, sơn nguyên, đầm lầy.

D. sơn nguyên, đầm lầy, đồng bằng.

Câu 8: Quốc gia nào sau đây có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất ở Tây Nam Á?

A. Cô-oét.

B. A-rập Xê-út.

C. Các Tiểu vương quốc A-rập Thống nhất.

D. I-rắc.

Câu 9: Địa hình chủ yếu trên bán đảo A-rập là

A. sơn nguyên.

B. đồng bằng.

C. núi cao.

D. đầm lầy.

Câu 10: Khí hậu Tây Nam Á chủ yếu mang tính chất

A. nóng ẩm.

B. nóng khô.

C. lạnh khô.

D. lạnh ẩm.

Câu 11: Phần lớn lãnh thổ của Tây Nam Á có khí hậu

A. nhiệt đới và cận nhiệt đới lục địa.

B. ôn đới và cận nhiệt đới hải dương.

C. ôn đới lục địa và nhiệt đới gió mùa.

D. cận nhiệt địa trung hải và nhiệt đới.

Câu 12: Cảnh quan điển hình ở Tây Nam Á là

A. rừng thưa rụng lá và rừng rậm.

B. hoang mạc và bán hoang mạc.

C. đồng cỏ và các xavan cây bụi.

D. cây bụi lá cứng và thảo nguyên.

Câu 13: Vùng phía Nam khu vực Tây Nam Á có khí hậu.

A. ôn đới.

B. nhiệt đới.

C. ôn đới lục địa.

D. cận nhiệt Địa Trung Hải.

Câu 14: Vùng phía Bắc khu vực Tây Nam Á có khí hậu.

A. ôn đới.

B. nhiệt đới.

C. cận xích đạo.

D. cận nhiệt.

Câu 15: Hình thức chăn nuôi phổ biến khu vực Tây Nam Á là

A. chăn nuôi công nghiệp.

B. chăn thả.

C. chăn nuôi sinh thái.

D. chuồng trại.

Câu 16: Khu vực Tây Nam Á có vị trí nằm ở ngã ba của ba châu lục

A. Châu Á – châu Âu – châu Phi.

B. Châu Âu – châu Phi – châu Mỹ.

C. Châu Phi – châu Á – châu Mỹ.

D. Châu Á – châu Âu – châu Đại Dương.

Câu 17: Tây Nam Á là khu vực có

A. tỉ lệ dân thành thị cao.

B. mật độ dân số rất cao.

C. rất ít lao động nước ngoài.

D. quy mô dân số già rất lớn.

Câu 18: Tây Nam Á là khu vực có

A. tốc độ tăng dân số rất nhỏ.

B. gia tăng tự nhiên rất cao.

C. dân số trẻ, lao động dồi dào.

D. tỉ lệ dân thành thị thấp.

Câu 19: Đặc điểm nổi bật về tự nhiên khu vực Tây Nam Á là

A. khí hậu nhiệt đới, đất đai màu mỡ và nguồn nước dồi dào.

B. có khí hậu khô nóng, nhiều núi, cao nguyên và hoang mạc.

C. khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng trọt.

D. phần lớn khu vực có khí hậu ôn đới lục địa, nhiều thảo nguyên.

Câu 20: Vị trí địa lí Tây Nam Á án ngữ đường biển quốc tế từ

A. Thái Bình Dương sang Đại Tây Dương.

B. Đại Tây Dương sang Ấn Độ Dương.

C. Ấn Độ Dương sang Nam Đại Dương.

D. Nam Đại Dương sang Thái Bình Dương.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (đúng/sai)

LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

Câu 1: Cho thông tin sau:

Liên minh châu Âu (EU) là một tổ chức kinh tế khu vực có vị trí quan trọng trên thế giới. Mục tiêu của EU là thúc đẩy tự do lưu thông, tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt. Việc thúc đẩy thị trường chung châu Âu không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và cân bằng của khu vực, từ đó tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và xã hội của toàn bộ EU.

a) EU thiết lập thị trường chung nhằm tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên. Đ

b) Số lượng các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu (EU) luôn ổn định. S

c) Liên minh châu Âu (EU) là trung tâm kinh tế phát triển hàng đầu trên thế giới. Đ

d) Cộng hoà Liên bang Đức là một trong các quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu trong EU. Đ

Câu 2: Cho thông tin sau:

Đồng Ô-rô được chính thức đưa vào lưu hành năm 1999, đây là kết quả của sự nhất thể hoá EU.

Việc đưa vào sử dụng đồng Ô-rô có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của thị trường châu Âu, xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ, tạo thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh.

a) Đồng Ô-rô là một trong những đồng tiền có ảnh hưởng quan trọng đối với thế giới. Đ

b) Đồng Ô-rô giúp nâng cao sức cạnh tranh của thị trường Châu Âu so với quốc tế. Đ

c) Tất cả các thành viên của EU đều sử dụng đồng tiền chung Ô-rô. S

d) Sự ra đời của đồng Ô-rô là nguyên nhân chính làm tăng sự đoàn kết hoà bình trong khu vực Châu Âu. S

Câu 3: Cho thông tin sau:

Bốn quyền tự do của EU là tự do di chuyển, tự do lưu thông dịch vụ, tự do lưu thông hàng hóa và tự do lưu thông tiền vốn. Công dân EU có quyền tự do sinh sống, làm việc và được bảo đảm an toàn ở bất kì đâu trong EU.

a) Quyền tự do đi lại, tự do cư trú, chọn nghề của mọi công dân EU được đảm bảo. Đ

b) Tự do đối với các hoạt động vận tải du lịch. Đ

c) Tự do lưu thông tiền vốn làm tăng mức độ rủi ro khi đầu tư vì rất khó quản lý. S

d) Xây dựng các quyền tự do giúp EU tăng cường sức mạnh cạnh tranh với các quốc gia và khu vực khác trên thế giới. Đ

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của EU, giai đoạn 2000 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2021
Xuất khẩu	2 591	4 458	5 865	6 382	8 670,6
Nhập khẩu	2 535	4 271	5 633	5 789	8 016,6

(Nguồn: WB, 2022)

a) Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của EU tăng liên tục. Đ

b) Tỷ trọng nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu, tăng nhanh. S

c) Cán cân thương mại luôn dương, năm 2000 giá trị xuất siêu lớn nhất. S

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu của EU, giai đoạn 2000 - 2021. Đ

Câu 5: Cho thông tin sau:

Khu vực đồng Ô-rô bao gồm 19 quốc gia thành viên EU (năm 2023), sử dụng đồng Ô-rô như một loại tiền tệ duy nhất. Đồng Ô-rô có vị trí cao trong giao dịch quốc tế, là đồng tiền dự trữ chính thức quốc tế.

a) Các nước trong EU đều sử dụng chung đồng Ô-rô. S

b) Đồng Ô-rô có vị trí cao trong giao dịch quốc tế. Đ

c) Việc sử dụng đồng Ô-rô giúp kinh tế EU tránh khỏi được tác động của các cuộc khủng hoảng. S

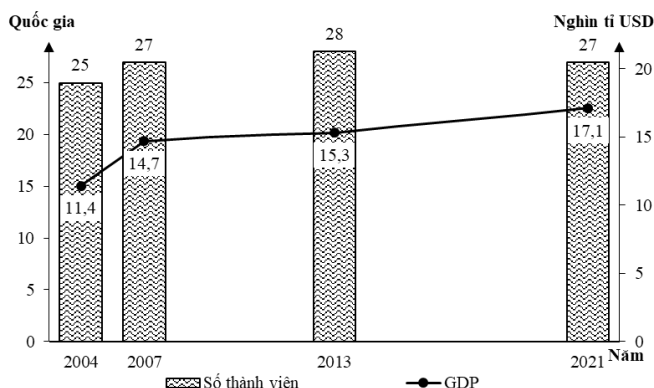
d) Sử dụng đồng Ô-rô làm gia tăng sự phụ thuộc giữa các thành viên. S

Câu 6: Cho thông tin sau:

Với số dân gần 500 triệu dân vào thời điểm năm 2020, chiếm 5,8% dân số toàn cầu, Liên minh châu Âu (EU) đóng góp khoảng 18% (17,1 nghìn tỷ đô la Mỹ năm 2021) GDP danh nghĩa của nền kinh tế thế giới. Liên minh châu Âu đã phát triển thị trường chung thông qua hệ thống luật pháp tiêu chuẩn áp dụng cho tất cả các nước thành viên nhằm đảm bảo sự lưu thông tự do của con người, hàng hóa, dịch vụ và vốn.

- a) GDP của EU chiếm tỷ trọng lớn trong tổng GDP toàn cầu. Đ
b) Quy mô dân số đông là trở ngại lớn nhất cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của EU. S
c) EU có mức độ hội nhập kinh tế nội khối cao.Đ
d) Các nước EU chưa có sự đồng nhất về chính sách kinh tế. S

Câu 7: Cho biểu đồ sau:

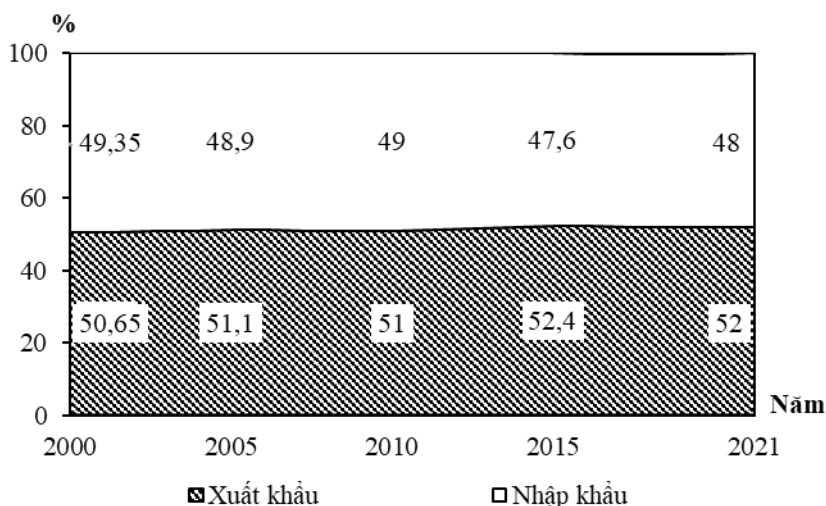


Số thành viên và quy mô GDP của Liên minh châu Âu (EU), giai đoạn 2004 - 2021

(Nguồn: Liên minh châu Âu và Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a) Số thành viên của EU tăng liên tục trong giai đoạn 2004 - 2021. S
b) Năm 2013 so với năm 2004, số thành viên của EU tăng 3 nước. Đ
c) Quy mô GDP tăng liên tục trong giai đoạn 2004 - 2020.Đ
d) Năm 2020 so với năm 2004, quy mô GDP của EU tăng thêm 50%. Đ

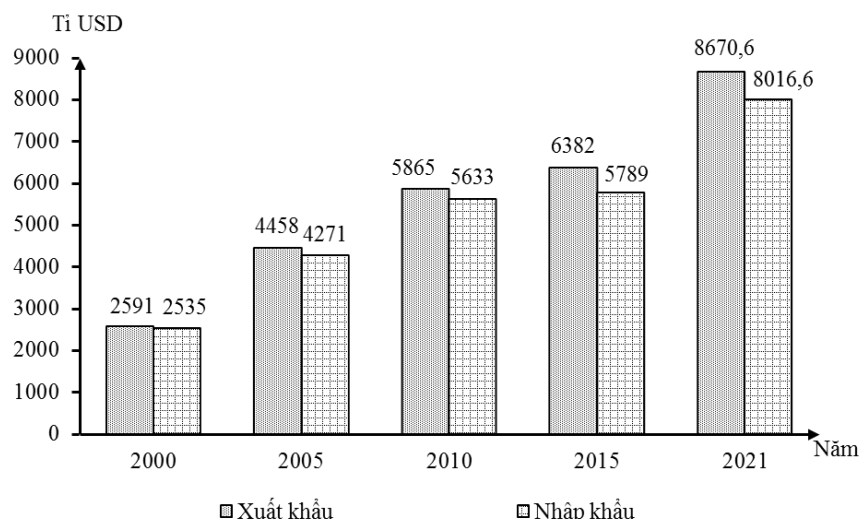
Câu 8: Cho biểu đồ về xuất nhập khẩu của EU, giai đoạn 2000 - 2021:



(Nguồn: WB, 2022)

- a) Biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu của EU, giai đoạn 2000 - 2021.Đ
b) EU liên tục là khu vực có giá trị nhập siêu. S
c) Cán cân thương mại của EU lớn nhất vào năm 2015.Đ
d) Năm 2021 so với năm 2000, tỷ trọng trị giá nhập khẩu của EU tăng 1,5%. S

Câu 9: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện trị giá xuất, nhập khẩu của EU, giai đoạn 2000 - 2021
(Nguồn WB, 2022)

- a) Trị giá xuất khẩu của EU tăng liên tục trong giai đoạn 2000 - 2021. Đ
b) Trị giá nhập khẩu của EU giảm liên tục trong giai đoạn 2000 - 2021. S
c) Năm 2021 so với năm 2000, trị giá xuất khẩu của EU tăng thêm hơn 234,6%. Đ
d) Cán cân thương mại của EU có giá trị âm liên tục trong giai đoạn 2000 - 2021. S

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Câu 1: Cho thông tin sau:

Đông Nam Á là một khu vực có nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng và có mối quan hệ thương mại mật thiết với các quốc gia trên thế giới. Do đó, giao thông vận tải đường biển đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển hàng hóa và người dân giữa các nước trong khu vực cũng như giữa Đông Nam Á với các thị trường quốc tế khác.

- a) Các quốc gia chú trọng đầu tư phát triển cảng biển chủ yếu để thực hiện mối liên hệ kinh tế trong nội bộ khu vực. S
b) Việc mở rộng thị trường cho các sản phẩm xuất khẩu trong khu vực chịu ảnh hưởng nhiều vào sự phát triển của giao thông đường biển. Đ
c) Giao thông vận tải đường biển đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển thương mại quốc tế. Đ
d) Để tăng khả năng cạnh tranh hàng hóa trên thị trường cần nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đường biển. Đ

Câu 2: Cho thông tin sau:

Công nghiệp điện tử - tin học phát triển với tốc độ nhanh, là ngành mũi nhọn của nhiều quốc gia Đông Nam Á. Các sản phẩm ngành này rất đa dạng, phục vụ nền kinh tế trong nước và xuất khẩu như: thiết bị bưu chính viễn thông, linh kiện điện tử... Các quốc gia có công nghiệp điện tử - tin học phát triển là Xin-ga-po, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam... Hiện nay, ngành này thu hút mạnh đầu tư và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thị trường thế giới.

- a) Công nghiệp điện tử - tin học phát triển với tốc độ nhanh do thu hút mạnh đầu tư nước ngoài. Đ
b) Sản phẩm của ngành điện tử - tin học ở Đông Nam Á có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Đ
c) Sản phẩm của ngành điện tử - tin học chỉ để phục vụ các ngành kinh tế trong khu vực và xuất khẩu. S
d) Công nghiệp điện tử - tin học là ngành mũi nhọn của nhiều quốc gia. Đ

Câu 3: Cho thông tin sau:

Hiện nay, số dân ở Đông Nam Á vẫn tiếp tục tăng nhanh. Đến năm 2021, số dân khu vực Đông Nam Á đạt 620 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số là 1,5%. Có nhiều nhân tố tác động đến sự gia tăng dân số ở Đông Nam Á, trong đó có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các quốc gia.

- a) Các nước Đông Nam Á hiện nay có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất thế giới. S
b) Những nước đang phát triển thường có tỉ lệ sinh cao hơn các nước phát triển. Đ

c) Gia tăng cơ học là nguyên nhân chính làm dân số Đông Nam Á tăng nhanh. S

d) Điều kiện tự nhiên, môi trường sống, phong tục tập quán, y tế, giáo dục, đều có tác động đến sự gia tăng dân số mỗi quốc gia. Đ

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Cam-pu-chia, giai đoạn 2015 - 2020

(Đơn vị: triệu USD)

Giá trị	Năm	2015	2018	2019	2020
Xuất khẩu		8558	12700	14845	17412
Nhập khẩu		11797	17490	19735	18968

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

a) Cam-pu-chia nhập siêu ít nhất vào năm 2020. Đ

b) Cam-pu-chia có cán cân nhập siêu giảm dần qua các năm. S

c) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu trị giá xuất nhập khẩu của Cam-pu-chia giai đoạn trên. Đ

d) Tổng trị giá xuất nhập khẩu của Cam-pu-chia tăng không liên tục qua các năm. S

Câu 5: Cho thông tin sau:

Dịch vụ khu vực Đông Nam Á có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhanh các hoạt động kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường. Ngành này phát triển với tốc độ khá nhanh, tỉ trọng đóng góp ngày càng cao trong cơ cấu GDP của khu vực. Cơ cấu ngành dịch vụ ngày càng đa dạng. Hiện nay, nhiều nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ.

a) Cơ sở hạ tầng của ngành dịch vụ khu vực Đông Nam Á phát triển hiện đại bậc nhất thế giới. S

b) Dịch vụ là ngành kinh tế phát triển mạnh và đồng đều ở các quốc gia Đông Nam Á. S

c) Đông Nam Á có nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp là điều kiện hấp dẫn khách du lịch quốc tế. Đ

d) Hạn chế về cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng nguồn lao động là nguyên nhân khiến ngành dịch vụ ở Đông Nam Á chưa phát triển tương xứng với tiềm năng. Đ

Câu 6: Cho thông tin sau:

Đông Nam Á nổi tiếng với nền nông nghiệp nhiệt đới đa dạng và phong phú. Mặc dù tỉ trọng của ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP của các nước trong khu vực có xu hướng giảm dần do sự phát triển của các ngành kinh tế khác nhưng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vẫn giữ vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế và đời sống của người dân.

a) Đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp ở Đông Nam Á là một nền nông nghiệp nhiệt đới. Đ

b) Ngành nông nghiệp không còn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế các nước Đông Nam Á. S

c) Đông Nam Á phát triển nền nông nghiệp với cơ cấu đa dạng nhằm mục đích chủ yếu là khai thác hiệu quả tài nguyên và nâng cao hiệu quả kinh tế. Đ

d) Tỉ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP Đông Nam Á tăng do nhu cầu lương thực, thực phẩm của người dân ngày càng cao. S

Câu 7: Cho thông tin sau:

Đông Nam Á nằm từ khoảng vĩ độ 28°B đến khoảng vĩ độ 10°N, phần lớn trong khu vực nội chí tuyến và khu vực hoạt động của gió mùa. Đông Nam Á có vị trí đặc biệt quan trọng, nằm trên tuyến đường biển quốc tế nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; là cầu nối châu Âu, châu Phi, khu vực Nam Á với khu vực Đông Á; nối lục địa Á-Âu với Ô-xtrây-li-a.

a) Đông Nam Á có vị trí đặc biệt quan trọng, thuận lợi cho sự phát triển và giao lưu kinh tế - xã hội. Đ

b) Phần lớn lãnh thổ khu vực Đông Nam Á có khí hậu cận nhiệt đới gió mùa. S

c) Đông Nam Á là cầu nối châu Âu, châu Phi, khu vực Nam Á với khu vực Đông Á. Đ

d) Đông Nam Á nằm trong khu vực phát triển kinh tế năng động châu Á-Thái Bình Dương. Đ

Câu 8: Cho thông tin sau:

Đông Nam Á là một khu vực có lịch sử phát triển lâu đời. Sự đa dạng về văn hóa và lịch sử, cùng với tình hình chính trị ổn định ở một số quốc gia, đã góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Tuy nhiên, sự chênh lệch về mức sống giữa các quốc gia vẫn là một thách thức lớn.

a) Đông Nam Á là khu vực có nền văn hóa đa dạng, độc đáo. Đ

b) Là khu vực có tình hình chính trị tương đối ổn định. Đ

c) Là khu vực có nền kinh tế phát triển kém năng động, tốc độ tăng trưởng GDP rất thấp. S

d) Mức sống của người dân giữa các nước vẫn còn sự chênh lệch khá nhiều. Đ

III. TRẢ LỜI NGẮN

LIÊN MINH CHÂU ÂU

Câu 1: Tổng GDP của thế giới năm 2021 là 97,5 nghìn tỉ USD, của EU là 17,1 nghìn tỉ USD. Tính tỉ trọng GDP của EU so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Đáp án: $17,1 : 97,5 \times 100 \approx 17,5$

Câu 2: Cho bảng số liệu:

GDP của EU giai đoạn 1957 - 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ USD)

Năm	1957	1995	2007	2013	2021
GDP	1,1	8,3	14,7	15,3	17,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng GDP của EU năm 2021 so với năm 1957 (coi năm 1957 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Đáp án: $17,2 : 1,1 \times 100 \approx 1564$

Câu 3: Năm 2015, GDP của Liên minh châu Âu (EU) đạt 13,55 nghìn tỉ USD; tới năm 2023, GDP của khu vực này đạt 18,35 nghìn tỉ USD. Hãy cho biết GDP của EU năm 2023 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2015? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Đáp án: $(18,35 - 13,55) : 13,55 \times 100 \approx 35,4$

Câu 4: Cho bảng số liệu: GDP của EU, giai đoạn 1995 - 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ USD)

Năm	1995	2007	2013	2021
GDP	8,3	14,7	15,3	17,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết GDP của EU tăng bao nhiêu nghìn tỉ USD trong giai đoạn 1995 - 2021? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Đáp án: $17,2 - 8,3 = 8,9$

Câu 5: Năm 2015, GDP của Liên minh châu Âu đạt 13,55 nghìn tỉ USD; tới năm 2023, GDP của khu vực này đạt 18,35 nghìn tỉ USD. Hãy cho biết tốc độ tăng trưởng GDP của Liên minh châu Âu năm 2023 so với 2015 là bao nhiêu %? (coi năm 2015 = 100%)? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án: $18,35 : 13,55 \times 100 = 135$

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của EU, giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2021
Xuất khẩu	5 865	6 382	8 670,6
Nhập khẩu	5 633	5 633	8016,6

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của EU năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án:

- Cán cân xuất nhập khẩu năm 2010: $5865 - 5633 = 232$

- Cán cân xuất nhập khẩu năm 2021: $8670,6 - 8016,6 = 654$

- Năm 2021 so với năm 2010: $654 - 232 = 422$

Câu 7: Tính mật độ dân số của EU năm 2021 biết số dân là 447,1 triệu người và diện tích là 4,233 triệu km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Đáp án: $447,1 : 4,233 \approx 106$

Câu 8: Năm 2021, số dân của EU là 447,1 triệu người và GDP là 17,2 nghìn tỉ USD. Tính GDP bình quân đầu người của EU? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của nghìn USD/người).

Đáp án: $17,2 : 447,1 = 0,038470141$ triệu USD/người $\approx 38,5$ nghìn USD/người

Câu 9: Biết tổng GDP năm 2021 của Liên minh châu Âu (EU) là 17088,6 tỉ USD, trị giá xuất khẩu của EU là 8663,92 tỉ USD. Tính tỉ trọng trị giá xuất khẩu so với GDP của EU năm 2021. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Đáp án: $8663,92 : 17088,6 \times 100 \approx 50,7$

Câu 10: Biết tổng GDP năm 2021 của Liên minh châu Âu (EU) là 17088,6 tỉ USD, tổng GDP của thế giới là 96003,4 tỉ USD. Tính tỉ trọng GDP của EU trong tổng GDP của thế giới năm 2021. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Đáp án: $17088,6 : 96003,4 \times 100 \approx 17,8$

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Câu 1: Số lượt khách du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á năm 2005 và 2019 lần lượt là 49,3 triệu người và 138,5 triệu người. Tính tốc độ tăng trưởng số lượt khách du lịch quốc tế năm 2019 so với năm 2005 (coi năm 2005 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án: $138,5 : 49,3 \times 100 \approx 281$

Câu 2: Năm 2022, Lào có tỉ suất sinh là 21‰, tỉ suất tử là 7‰. Cho biết tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Lào năm 2022 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Đáp án: $21 - 7 = 14‰ = 1,4\%$

Câu 3: Năm 2020, khu vực Đông Nam Á có số dân là 668,4 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số là 1%. Hỏi năm 2020 số dân của khu vực Đông Nam Á tăng thêm bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Đáp án: $668,4 \times 1 : 100 \approx 6,7$

Câu 4: Năm 2020, trị giá xuất khẩu của Mi-an-ma là 16,8 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 17,9 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu của Mi-an-ma năm 2020. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của tỉ USD). **Đáp án:** $16,8 - 17,9 = -1,1$

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất, nhập khẩu của Mi-an-ma, giai đoạn 2015 - 2020

(Đơn vị: Tỷ USD)

Giá trị \ Năm	2015	2018	2019	2020
Xuất khẩu	11,4	16,7	18,1	16,8
Nhập khẩu	16,8	19,4	18,6	17,9

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của Mi-an-ma năm 2020 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2015? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án:

- Tổng trị giá xuất nhập khẩu năm 2015: $11,4 + 16,8 = 28,2$ tỉ USD

- Tổng trị giá xuất nhập khẩu năm 2020: $16,8 + 17,9 = 34,7$ tỉ USD

- Năm 2020 so với năm 2015: $(34,7 - 28,2) : 28,2 \times 100 \approx 23$

Câu 6: Tính tỉ trọng sản lượng lúa gạo của khu vực Đông Nam Á so với Thế giới năm 2020 biết sản lượng lúa gạo của Thế giới và khu vực Đông Nam Á lần lượt là 769,2 triệu tấn và 190,1 triệu tấn. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Đáp án: $190,1 : 769,2 \times 100 \approx 24,7$

Câu 7: Cho bảng số liệu:

Doanh thu du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á, năm 2005 và năm 2019

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2019
Doanh thu du lịch	33,8	147,6

(Nguồn: WB năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết doanh thu từ khách du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á năm 2019 tăng lên bao nhiêu tỉ USD so với năm 2005? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Đáp án: $147,6 - 33,8 \approx 114$

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Số lượt khách du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á, năm 2005 và năm 2019

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2005	2019
Số lượt khách (triệu người)	49,3	138,5

(Nguồn: WB năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết số lượt khách du lịch quốc tế đến khu vực Đông Nam Á năm 2019 gấp bao nhiêu lần năm 2005? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Đáp án: $138,5 : 49,3 \approx 2,8$

Câu 9: Cho bảng số liệu:

Diện tích và số dân của Lào và Việt Nam, năm 2020

Quốc gia	Lào	Việt Nam
Diện tích (nghìn km ²)	236,8	331,2
Dân số (triệu người)	7,2	97,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết chênh lệch mật độ dân số giữa Việt Nam và Lào là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị ở mỗi phép tính).

Đáp án:

- **Mật độ dân số của Lào:** $7,2 : 236,8 \times 1000 \approx 30$ người/km²
- **Mật độ dân số của Việt Nam:** $97,6 : 331,2 \times 1000 \approx 295$ người/km²
- **Chênh lệch mật độ dân số giữa Việt Nam và Lào:** $295 - 30 = 265$

Câu 10: Năm 2021, GDP của In-đô-nê-xi-a là 1186,1 tỉ USD, số dân là 280,2 triệu người. Tính thu nhập bình quân đầu người của In-đô-nê-xi-a năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/người).

Đáp án: $1186,1 : 280,2 \times 1000 \approx 4233$

Phần hai: TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu vị trí và phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á. Ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 2: Trình bày đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đông Nam Á (Địa hình, đất, khí hậu, khoáng sản...).

Câu 3: Trình bày một số ngành công nghiệp của Đông Nam Á.

Câu 4: Trình bày một số ngành sản xuất nông nghiệp của Đông Nam Á.

Câu 5: Trình bày một số ngành dịch vụ của Đông Nam Á.

Câu 6: Trình bày thành tựu và thách thức của ASEAN về kinh tế, xã hội, khai thác tài nguyên và môi trường.

Câu 7: trình bày vai trò của Việt Nam trong ASEAN.